

Số: 5564 /QĐ - UBND

Tân Uyên, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật

Công trình: Nâng cấp BTNN tuyến đường nhánh Nguyễn Văn Hồn, đường nhánh Khánh Bình 11, đường Khánh Bình 28, 30; nâng cấp BTXM tuyến đường Khánh Bình 41; xây dựng HTTN tuyến đường nhánh Khánh Bình 11, đường Khánh Bình 28, 30, 41, phường Khánh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Xét Văn bản số 110/KT,HT&ĐT-TĐ ngày 13/6/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật và Tờ trình số 110/TTr-KT,HT&ĐT ngày 13/6/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp BTNN tuyến đường nhánh Nguyễn Văn Hồn, đường nhánh Khánh Bình 11, đường Khánh Bình 28, 30; nâng cấp BTXM tuyến đường Khánh Bình 41; xây dựng HTTN tuyến đường nhánh Khánh Bình 11, đường Khánh Bình 28, 30, 41, phường Khánh Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp BTNN tuyến đường nhánh Nguyễn Văn Hồn, đường nhánh Khánh Bình 11, đường Khánh Bình 28, 30; nâng cấp BTXM tuyến đường Khánh Bình 41; xây dựng HTTN tuyến đường nhánh Khánh Bình 11, đường Khánh Bình 28, 30, 41, phường Khánh Bình, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp BTNN tuyến đường nhánh Nguyễn Văn Hồn, đường nhánh Khánh Bình 11, đường Khánh Bình 28, 30; nâng cấp BTXM tuyến đường Khánh Bình 41; xây dựng HTTN tuyến đường nhánh Khánh Bình 11, đường Khánh Bình 28, 30, 41, phường Khánh Bình.

2. Người quyết định chủ trương đầu tư: UBND thành phố Tân Uyên.

3. Người quyết định đầu tư: UBND thành phố Tân Uyên.

- **Chủ đầu tư:** UBND phường Khánh Bình.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Nhằm từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng theo quy hoạch mạng lưới đường giao thông, hệ thống thoát nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong khu vực.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

4.2.1 Quy mô đầu tư :

*** Đường nhánh Nguyễn Văn Hổn:**

- Tải trọng xe thiết kế	Trục xe t/c tính toán 10 Tấn.
- Vận tốc thiết kế	20 Km/h.
- Độ dốc dọc tối đa	9%.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%.
- Kết cấu mặt đường	BTNN.
- Gờ chặn 0,15m x 2 bên	Bê tông đá 1x2 M250.
- Chiều dài tuyến	330m.
- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+220 và Km0+280 đến Km0+330:	
+ Bề rộng mặt đường	6,0m.
+ Bề rộng nền đường	6,0m.
- Đoạn từ Km0+220 đến Km0+280:	
+ Bề rộng mặt đường	4,0m.
+ Bề rộng nền đường	4,0m.

*** Đường nhánh Khánh Bình 11:**

- Tải trọng xe thiết kế	Trục xe t/c tính toán 10 Tấn.
- Vận tốc thiết kế	20 Km/h.
- Độ dốc dọc tối đa	9%.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%.
- Kết cấu mặt đường	BTNN.
- Chiều dài tuyến	364m.
- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+312,39:	
+ Bề rộng mặt đường	4,0m.
+ Mương BTCT 2 bên	0,9m x 2 bên.

- + Bề rộng nền đường 5,8m.
- Đoạn từ Km0+312,39 đến Km0+364: Thiết kế mương dẫn BTCT (60xH)cm.

*** Đường Khánh Bình 28:**

- Tải trọng xe thiết kế Trục xe t/c tính toán 10 Tấn.
- Vận tốc thiết kế 20 Km/h.
- Độ dốc dọc tối đa 9%.
- Độ dốc ngang mặt đường 2%.
- Kết cấu mặt đường BTNN.
- Chiều dài tuyến 259m.
- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+173:
- + Bề rộng mặt đường 6,0m.
- + Mương BTCT 2 bên 0,9m x 2 bên.
- + Bề rộng nền đường 7,8m.
- Đoạn từ Km0+173 đến Km0+259:
- + Bề rộng mặt đường 6,0m.
- + Mương BTCT 2 bên âm dưới mặt đường 0,9m x 2 bên.
- + Bề rộng nền đường 6,0m.

*** Đường Khánh Bình 30:**

- Tải trọng xe thiết kế Trục xe t/c tính toán 10Tấn.
- Vận tốc thiết kế 20 Km/h.
- Độ dốc dọc tối đa 9%.
- Độ dốc ngang mặt đường 2%.
- Kết cấu mặt đường BTNN.
- Chiều dài tuyến 216m.
- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+062:
- + Bề rộng mặt đường 5,0m.
- + Mương BTCT giữa tuyến âm dưới mặt đường 0,9m.
- + Bề rộng nền đường 5,0m.
- Đoạn từ Km0+062 đến Km0+216:
- + Bề rộng mặt đường 5,0m.
- + Mương BTCT bên phải tuyến 0,9m.

+ Bề rộng nền đường 5,9m.

*** Đường Khánh Bình 41:**

- Tải trọng xe thiết kế Trục xe t/c tính toán 2,5Tấn.

- Vận tốc thiết kế 20 Km/h.

- Độ dốc dọc tối đa 9%.

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.

- Kết cấu mặt đường BTXM.

- Chiều dài tuyến 351m.

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+280:

+ Bề rộng mặt đường 5,0m.

+ Mương BTCT 2 bên 0,9m x 2 bên.

+ Bề rộng nền đường 6,8m.

- Đoạn từ Km0+280 đến Km0+351: Thiết kế cống dẫn BTCT D100cm.

4.2.2 Giải pháp kỹ thuật

a. Bình đồ:

Bình đồ tuyến được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu. Thiết kế bình đồ chủ yếu thực hiện nâng cấp từ đường đất hiện hữu nên phần lớn là bám theo hiện trạng, mặt khác bình đồ được thiết kế sao cho khối lượng giải toả là ít nhất.

b. Trắc dọc:

Với yêu cầu cao độ hoàn thiện tuyến đường vừa đảm bảo kết nối êm thuận với các tuyến đường xung quanh, tránh ứ đọng nước, tận dụng được nền đường hiện hữu, đồng thời cân đối và hài hòa với địa hình tự nhiên 2 bên tuyến.

c. Trắc ngang:

*** Đường nhánh Nguyễn Văn Hổn:**

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.

- Gờ chắn 0,15m x 2 bên Bê tông đá 1x2 M250.

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+220 và Km0+280 đến Km0+330:

+ Bề rộng mặt đường 6,0m.

+ Bề rộng nền đường 6,0m.

- Đoạn từ Km0+220 đến Km0+280:

+ Bề rộng mặt đường 4,0m.

+ Bề rộng nền đường 4,0m.

*** Đường nhánh Khánh Bình 11:**

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+312,39:

- + Bề rộng mặt đường 4,0m.
- + Mương BTCT 2 bên 0,9m x 2 bên.
- + Bề rộng nền đường 5,8m.

*** Đường Khánh Bình 28:**

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.
- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+173:
- + Bề rộng mặt đường 6,0m.
- + Mương BTCT 2 bên 0,9m x 2 bên.
- + Bề rộng nền đường 7,8m.

- Đoạn từ Km0+173 đến Km0+259:

- + Bề rộng mặt đường 6,0m.
- + Mương BTCT 2 bên âm dưới mặt đường 0,9m x 2 bên.
- + Bề rộng nền đường 6,0m.

*** Đường Khánh Bình 30:**

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.
- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+062:
- + Bề rộng mặt đường 5,0m.
- + Mương BTCT giữa tuyến âm dưới mặt đường 0,9m.
- + Bề rộng nền đường 5,0m.

- Đoạn từ Km0+062 đến Km0+216:

- + Bề rộng mặt đường 5,0m.
- + Mương BTCT bên phải tuyến 0,9m.
- + Bề rộng nền đường 5,9m.

*** Đường Khánh Bình 41:**

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.
- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+280:
- + Bề rộng mặt đường 5,0m.
- + Mương BTCT 2 bên 0,9m x 2 bên.
- + Bề rộng nền đường 6,8m.

d. Kết cấu áo đường (tính từ trên xuống):

*** Đường nhánh Nguyễn Văn Hồn, Đường nhánh Khánh Bình 11, Đường Khánh Bình 28; Đường Khánh Bình 30:**

- Trãi bê tông nhựa nóng C12,5 dày 7cm, lu lèn $K \geq 0,98$; $E \geq 120\text{Mpa}$.
- Tưới nhựa thấm bám bằng nhựa lỏng tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$.
- Cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{\max}=25\text{mm}$) dày 15cm lớp trên, lu lèn $K \geq 0,98$.
- Cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{\max}=25\text{mm}$) dày 15cm lớp dưới, lu lèn $K \geq 0,98$.
- Đào khuôn đường hoặc bù phụ nền đường bằng cấp phối sỏi đỏ lu lèn đạt $K \geq 0,98$.
- Vết hữu cơ dày 10cm đắp lại bằng cấp phối sỏi đỏ lu lèn đạt $K \geq 0,98$.

*** Đường Khánh Bình 41:**

- Đổ bê tông đá 1x2 M250, dày 15cm.
- Trãi giấy dầu chống thấm.
- Cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{\max}=25\text{mm}$) dày 15cm, lu lèn $K \geq 0,98$, $E \geq 90\text{Mpa}$.
- Đào khuôn đường hoặc bù phụ nền đường bằng cấp phối sỏi đỏ lu lèn đạt $K \geq 0,98$.
- Vết hữu cơ dày 10cm đắp lại bằng cấp phối sỏi đỏ lu lèn đạt $K \geq 0,98$.

e. Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước dọc:

- Đường nhánh Khánh Bình 11:

+ Đoạn từ Km0+000 đến Km0+312,39: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (60x60)cm hai bên tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 15cm; trên lớp bê tông lót bê tông đá 1x2 M150, dày 10cm.

+ Đoạn từ Km0+312,39 đến Km0+364: Xây dựng mới mương dẫn hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (60xH)cm bên phải tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 15cm; trên lớp bê tông lót bê tông đá 1x2 M150, dày 10cm.

- Đường Khánh Bình 28:

+ Đoạn từ Km0+000 đến Km0+173: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (60xH)cm hai bên tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 15cm; trên lớp bê tông lót bê tông đá 1x2 M150, dày 10cm.

+ Đoạn từ Km0+173 đến Km0+259: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (60x50)cm hai bên tuyến âm dưới mặt đường. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 15cm; trên lớp bê tông lót bê tông đá 1x2 M150, dày 10cm.

- Đường Khánh Bình 30:

+ Đoạn từ Km0+000 đến Km0+062: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (60xH)cm giữa tuyến âm dưới mặt đường. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 15cm; trên lớp bê tông lót bê tông đá 1x2 M150, dày 10cm.

+ Đoạn từ Km0+062 đến Km0+216: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (60x50)cm bên phải tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 15cm; trên lớp bê tông lót bê tông đá 1x2 M150, dày 10cm.

- Đường Khánh Bình 41:

+ Đoạn từ Km0+000 đến Km0+280: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (60x60)cm hai bên tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 15cm; trên lớp bê tông lót bê tông đá 1x2 M150, dày 10cm.

+ Đoạn từ Km0+280 đến Km0+351: Lắp đặt mới cống dẫn hệ thống thoát nước dọc bằng cống BTCT D100cm, L=67m.

f. Hệ thống an toàn giao thông:

Hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Phú Thành.

6. Địa điểm xây dựng: Tuyến nằm trong địa phận phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đường nhánh Nguyễn Văn Hồn: Đầu tuyến giáp đường Nguyễn Văn Hồn, cuối tuyến giáp đất dân.

- Đường nhánh Khánh Bình 11: Đầu tuyến giáp với đường nhựa khu dân cư, cuối tuyến giáp với đường đất.

- Đường Khánh Bình 28: Đầu tuyến giáp với đường ĐT 747B, cuối tuyến giáp với công ty.

- Đường Khánh Bình 30: Đầu tuyến giáp với đường ĐT 746, cuối tuyến giáp với công ty.

- Đường Khánh Bình 41: Đầu tuyến giáp với đường bê tông hiện hữu rộng 5m, cuối tuyến giáp với nhà dân.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình: <25 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn :

8.1 Số bước thiết kế : 01 bước.

8.2 Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 13592-2022 : Đường Đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCCS 38-2022/TCĐBVN : Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- TCCS 31-2020/TCĐBVN : Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCVN 5574-2018 : Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 07:2023 : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 41 :2024/BGTVT ; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- Các tài liệu tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

9. Tổng vốn đầu tư: 10.953.050.856 đồng (*Mười tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, không trăm năm mươi nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*).

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 9.646.913.003 đồng. |
| - Chi phí quản lý dự án: | 204.179.252 đồng. |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 898.031.494 đồng. |
| - Chi phí khác: | 153.340.065 đồng. |
| - Chi phí dự phòng: | 50.587.042 đồng. |

10. Tiến độ thực hiện dự án:

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2025.
- Thực hiện dự án: Năm 2025 – 2027.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố Tân Uyên.

12. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Sau khi báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình được phê duyệt, UBND phường Khánh Bình có trách nhiệm thực hiện bước tiếp theo đảm bảo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch; Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Chủ tịch UBND phường Khánh Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: ^{ml}

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Trí.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Hồng Tươi

